

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 13 - 06 - 2022
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Ông Đinh Chí Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2/ Bà Trà (Trần) Ngọc T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà C là nguyên đơn trình bày yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết gồm: Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa bà C và ông L, bà T nên khi vợ chồng ông L, bà T cần tiền để trả tiền công thợ xây nhà đã hỏi vay tổng số tiền 65.000.000đ (Lần 1: ngày 04/8/2018 al (nhằm ngày 13/9/2018 dl) vay với số tiền 40.000.000đ. Lần 2: ngày 24/10/2018 vay số tiền 25.000.000đ), có viết biên nhận, cam kết trong thời hạn 3 tháng thanh toán. Trường hợp chậm trả sẽ chịu lãi suất.

Sau đó, ông L, bà T không thực hiện cam kết. Bà C nhiều lần đến nhà yêu cầu thanh toán nhưng không có kết quả. Đến ngày 29/4/2020 bà T viết giấy nhận trả nợ mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, nhưng ông L, bà T vẫn không thực hiện.

Do đó, bà C yêu cầu giải quyết buộc ông L, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay là 65.000.000đ và lãi chậm trả (65.000.000đ x 0,83%/tháng x 13 tháng = 7.013.500đ). Tổng cộng vốn và lãi là 72.013.500đ.

Ông L, bà T là bị đơn: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L, bà T đã có nhận trực tiếp nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà C.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà Phạm Thị C với bị đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Trà (Trần) Ngọc T thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Ông L, bà T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông L, bà T vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà C với ông L, bà T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Khi giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà C và ông L, bà T không xác lập hợp đồng vay bằng văn bản, nhưng thể hiện bằng giấy giao kèo mượn tiền và giấy nhận trả nợ, có ghi nhận thời gian và số tiền vay là 65.000.000đ (Lần 1: ngày 04/8/2018 al (nhằm ngày 13/9/2018 dl) vay với số tiền 40.000.000đ. Lần 2: ngày 24/10/2018 vay số tiền 25.000.000đ), có viết biên nhận, cam kết trong thời hạn 3 tháng thanh toán. Trường hợp chậm trả sẽ chịu lãi suất. Như vậy, có căn cứ xác định ông L, bà T vay tiền của bà C 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) nên ông L, bà T có trách nhiệm trả cho bà C số tiền đã vay.

Tại phiên tòa, bà C xác định yêu cầu tính lãi theo đơn khởi kiện là 13 tháng kể từ ngày 29/4/2020 đến ngày 29/5/2021, không yêu cầu điều chỉnh đến ngày xét xử.

Bà C yêu cầu giải quyết buộc ông L, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay là 65.000.000đ và lãi chậm trả từ ngày 29/4/2020 đến ngày 29/5/2021 là: $65.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 13 \text{ tháng} = 7.013.500đ$. Tổng cộng vốn và lãi là 72.013.500đ.

Do đó, căn cứ vào giấy giao kèo mượn tiền và giấy nhận trả nợ viết tay mà nguyên đơn cung cấp và ý kiến tại phiên tòa để làm cơ sở giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối với ông L, bà T không có ý kiến gì đến khoản nợ mà bà C yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận thực tế để xác định khoản tiền vay và tính lãi theo yêu cầu của bà C trên cơ sở pháp luật quy định để điều chỉnh cho phù hợp. Theo yêu cầu của bà C tính lãi từ ngày 29/4/2020 đến ngày 29/5/2021 là 13 tháng, đây là ý trí tự nguyện của bà C là nguyên đơn sẽ có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc ông L, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà C số tiền 72.013.500đ (trong đó: vốn 65.000.000đ và lãi 7.013.500đ).

Hiện ông L, bà T không có gửi tài liệu, ý kiến để xác định khoản vay này. Trường hợp ông L, bà T có chứng cứ đã thanh toán cho bà C khoản tiền trên và có tranh chấp thì có quyền yêu cầu, khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[5] Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với ông Nguyễn Văn L, bà Trà (Trần) Ngọc T.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Trà (Trần) Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị C số tiền số tiền 72.013.500đ (trong đó: vốn 65.000.000đ và lãi 7.013.500đ).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L, bà T không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn L, bà Trà (Trần) Ngọc T phải nộp án phí số tiền 3.600.000đ (chưa nộp).

Bà C không phải nộp án phí sơ thẩm. Vào ngày 23/3/2022 bà C đã dự nộp số tiền 1.873.000.000đ tại lai số 0014830 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L, bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn